

Số: /TB-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc đính chính số liệu hồ sơ trực tuyến Quý I năm 2023

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Báo cáo số 41/BC-UBND về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử Quý I năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định; trong đó có kèm theo Phụ lục I về thống kê hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

Do sơ suất trong công tác trích xuất, xử lý và tổng hợp thông tin, dữ liệu; nay Ủy ban nhân dân tỉnh đính chính lại số liệu về hồ sơ trực tuyến nêu trên tại Phụ lục gửi kèm theo Thông báo này.

Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo để các cơ quan, đơn vị, địa phương biết, phối hợp theo dõi và chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Kiểm soát TTHC (b/c);
- PCT Lâm Hải Giang (b/c);
- Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh;
- Ban quản lý KKT tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT^(T).

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Lê Ngọc An

Phụ lục**Thống kê hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh trong Quý I/2023***(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-UBND**ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)*

STT	Cơ quan, đơn vị	Số hồ sơ trực tuyến trong kỳ	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ (trực tuyến, trực tiếp và thông qua dịch vụ BCCI)	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến (%)
I	Cấp tỉnh			
1	Sở Công Thương	5882	5970	98.53%
2	Sở Tư pháp	5122	5132	99.81%
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	295	2605	11.32%
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	221	240	92.08%
5	Sở Nội vụ	208	217	95.85%
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	158	3122	5.06%
7	Sở Y tế	82	451	18.18%
8	Sở Văn hóa và Thể thao	69	69	100%
9	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	40	116	34.48%
10	Sở Du lịch	37	43	86.05%
11	Sở Lao Động - Thương binh và Xã hội	34	741	4.59%
12	Sở Thông tin và Truyền thông	34	34	100%
13	Sở Tài chính	31	31	100%
14	Sở Khoa học và Công nghệ	11	15	73.33%
15	Sở Xây dựng	11	494	2.23%
16	Sở Ngoại vụ	10	10	100%
17	Sở Giao thông vận tải	8	2665	0.30%
18	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4	591	0.68%
II	Cấp huyện			
1	UBND thị xã Hoài Nhơn	5359	13263	40.41%
2	UBND huyện Tuy Phước	4404	10934	40.28%
3	UBND thị xã An Nhơn	4174	8320	50.17%
4	UBND TP. Quy Nhơn	3674	19006	19.33%
5	UBND huyện Phù Cát	1780	14016	12.70%
6	UBND huyện Vân Canh	1587	3928	40.40%
7	UBND huyện Hoài Ân	1296	4449	29.13%
8	UBND huyện Phù Mỹ	1065	8743	12.18%
9	UBND huyện Tây Sơn	780	8886	8.78%
10	UBND huyện An Lão	670	4875	13.74%
11	UBND huyện Vĩnh Thạnh	431	2696	15.99%